

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG
Bản án số: 17/2024/HS-PT
Ngày: 30/01/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Tân và ông Nguyễn Xuân Trường.

-Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu T -
Kiểm sát viên.

Ngày 30/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 203/2023/TLPT-HS ngày 06/12/2023 đối với bị cáo Trần Văn T1, do có kháng cáo của bị cáo T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Bị cáo kháng cáo:

Trần Văn T1 (tên gọi khác: V), sinh năm 1977, tại T, Hải Dương; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T2 (đã chết) và bà Phùng Thị N (đã chết); vợ là Phạm Thị H; có 02 con, con lớn sinh 2005, con nhỏ sinh 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/5/2023, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H, có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

*** Người bào chữa cho bị cáo:**

- Ông Phạm Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị Hồng N1 và bà Nguyễn Thị Hương H1 - Luật sư của Chi nhánh công ty L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (bà H1 có mặt, bà N1 vắng mặt).

*** Bị hại:** Ông Phạm Văn N2, sinh năm 1953; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Nguyễn Đào T3 - Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1953; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương (có mặt).

* *Những người làm chứng:* Ông Nguyễn Gia Q; ông Phùng Văn P; bà Bùi Thị P1; bà Phùng Thị H2, ông Tạ Văn H3; ông Nguyễn Văn H4; anh Nguyễn Văn T4 (đều vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Văn T1 và ông Phạm Văn N2 ở cùng thôn và có một số mâu thuẫn nhỏ với nhau từ lâu. Khoảng 07 giờ ngày 20/5/2016, T1 đến ăn sáng tại quán của ông Phùng Văn P ở thôn M, xã H, huyện T. Lúc này, trong quán có ông N2, ông Nguyễn Gia Q đang ngồi ăn sáng. Ông N2 có gọi rượu uống, lúc uống rượu, ông N2 chửi “*Mẹ chúng mày tuổi gì, chúng mày khổ rách áo ôm, đòi tao không làm cũng có ăn, có thằng làm lấm lười không có mà ăn*”. Ý ông N2 chửi T1. Sau khi ăn sáng xong, ông N2 ra bàn uống nước, T1 vẫn ngồi ghé bên trong. Trong khi ngồi uống nước, ông N2 chửi “*Từ đời thằng T5 (là ông nội T1), thằng T2 (là bố đẻ Thằng) làm lấm lười không có mà ăn, giờ đến đời thằng V cũng vậy thôi*”, lúc này T1 đang cầm chiếc điều cày bằng tre dài 75cm, đường kính 04cm. Thằng nghĩ ông N2 chửi mình và có lời nói xúc phạm gia đình nên T1 đứng dậy, cách ông N2 khoảng 01 mét, tay phải cầm phần thân trên điều cày chọc phần dưới điều cày vào mắt trái ông N2 làm chảy máu. Ông N2 dùng tay bịt mắt và kêu “*Thằng V chọc nổ mắt tao rồi*”. Thấy vậy, T1 vứt điều cày vào xô nhựa màu xanh ở gầm bàn uống nước, đi ra đạp xe về nhà. Ông N2 được mọi người đưa cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện M1 từ ngày 20/5/2016 đến ngày 02/6/2016.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 99 ngày 15/7/2016 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh H kết luận ông Phạm Văn N2 bị chấn thương mắt trái gây xuyên nhãn cầu, bong võng mạc, đã mổ điều trị bảo tồn. Hiện thị lực mắt trái: Bóng bàn tay (mù); M phải không tổn thương. Sẹo vết thương mi trên và mi dưới mắt trái. Tổn thương trên có đặc điểm do vật tày gây nên. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 42%.

Sau khi gây thương tích cho ông N2, Trần Văn T1 đã đi điều trị tại Bệnh viện tâm thần tỉnh H, từ ngày 01/6/2016 đến ngày 01/7/2016. Bệnh viện T chẩn đoán bệnh chính của Trần Văn T1 là: Mất ngủ không thực tổn.

Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần số 270 ngày 23/8/2023 của V1 kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định, bị cáo Trần Văn T1 bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 có mã số F70. Tại các thời điểm trên bị cáo hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 31/10/2023, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện đã tuyên bố bị cáo **Trần Văn T1** phạm tội “Cố ý gây thương tích”; áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s, q khoản 1, khoản 2

Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 364; Điều 584, 585, 586, 590 và Điều 357 Bộ luật Dân sự, điểm a khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 135, 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b, khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/NQ14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên bố bị cáo **Trần Văn T1** phạm tội “Cố ý gây thương tích”; xử phạt bị cáo **Trần Văn T1** 06 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/5/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn T1 có trách nhiệm bồi thường cho bị hại ông Phạm Văn N2 số tiền còn lại là **71.200.000** đồng.

T6 giao cho ông Phạm Văn N2 số tiền 10.000.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0000238 ngày 26/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Ngoài ra bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 07/11/2023, bị cáo Trần Văn T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo T1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và xuất trình thêm chứng cứ mới là biên lai nộp thêm một phần tiền bồi thường dân sự cho người bị hại là 10.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo T1 trình bày: Nhất trí với các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện VKS đã đề xuất; tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo lại bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Lời nói của bị hại không đến mức làm cho bị cáo bị kích động về tinh thần, hơn nữa cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết người bị hại có lỗi nên không thể áp dụng cho bị cáo thêm tình tiết giảm nhẹ quy định điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự được; đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Người bị hại nhất trí với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình

sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo T1, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, giảm một phần hình phạt cho bị cáo T1, xử phạt bị cáo từ 05 năm 09 tháng đến 06 năm tù.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo T1 kháng cáo trong thời gian luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo T1 tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với biên bản thực nghiệm điều tra, sơ đồ hiện trường, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ nên HĐXX có đủ căn cứ kết luận: Do mâu thuẫn từ trước, khoảng 07 giờ 30 phút ngày 20/5/2016, tại quán ăn sáng của ông Phùng Văn P, ở thôn M, xã H, huyện T, ông Phạm Văn N2 có lời nói xúc phạm đến gia đình bị cáo Trần Văn T1 nên bị cáo đã cầm chiếc điều cày chọc vào mắt trái ông Phạm Văn N2 làm cho ông N2 tổn thương cơ thể là 42%. Mặc dù bị cáo bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chỉ hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, vẫn nhận thức được hành vi dùng chiếc điều cày bằng tre (là hung khí nguy hiểm) chọc vào mắt ông N2 là nguy hiểm nhưng vẫn cố ý thực hiện và gây tổn hại cho sức khỏe của ông N2, mức độ tổn thương cơ thể là 42%. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo T1 xin giảm nhẹ hình phạt, HĐXX thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 10.000.000 đồng; bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; bố bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì; hơn nữa, trong vụ án này người bị hại cũng có lỗi một phần nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, q khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 năm 03 tháng tù là có căn cứ. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã tác động đến người thân để tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng, thể hiện bị cáo thực sự ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T1 thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Kháng cáo của bị cáo T1 được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xem xét, do đó có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T1, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương về hình phạt đối với bị cáo Trần Văn T1.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s, q khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Văn T1 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, 19/5/2023 về tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án, ngày 30/01/2024.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh HD;
- Vụ GDKT1-TANDTC;
- Phòng HSNV-CA tỉnh HD;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Thanh Miện;
- Công an huyện Thanh Miện;
- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người bị hại; người bảo vệ quyền lợi
- Lưu hồ sơ; Lưu Tòa.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Nhu